



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng**
Laboratory: **Department of Testing – Imaging Diagnosis - Functional exploration**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long cơ sở Trà Vinh**
Organization: **Vinh Long Center for Disease Control Tra Vinh Facility**

Số hiệu/ Code: **VILAS 763**

Chuẩn mực công nhận **ISO/IEC 17025:2017**
Accreditation criteria

Lĩnh vực: **Sinh, Hóa**
Field: **Biological, Chemical**

Người quản lý: **Lê Minh Hải**
Laboratory manager: **Le Minh Hai**

Hiệu lực công nhận **Kể từ ngày /10/2025 đến ngày 22/10/2026**
Period of Validation:

Địa chỉ: **Số 36, Tô Thị Huỳnh, phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long**
Address: **No 36 To Thi Huynh, Tra Vinh ward, Vinh Long province**

Địa điểm: **Số 36, Tô Thị Huỳnh, phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long**
Location: **No 36 To Thi Huynh, Tra Vinh ward, Vinh Long province**

Điện thoại/ Tel: **0294 3858 999**

Email: **xetnghiemdptv@gmail.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 763

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (If any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Bánh, kem, nước mắm, Lạp xưởng, Củ cải muối <i>Cakes, ice-cream, sauce, sausages, Pickled radish</i>	Định lượng vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of microorganisms Colony count technique at 30°C</i>		TCVN 4884-1:2015
2.	Sữa bột, ngũ cốc, tôm khô, kem, bánh, chả lụa <i>Powder milk, cereal dried shrimp, cream, cakes, pork bologna</i>	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of coagulase positive Staphylococci (Staphylococcus aureus and other species) Colony count technique.</i>		TCVN 4830-1:2005
3.	Sữa bột, ngũ cốc, bột nếp chưa rang, củ cải muối, bún <i>Cereal milk powder, stiky rice powder unroasted, pickled radish, Rice noodles</i>	Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of presumptive Bacillus cereus Colony count technique at 30°C</i>		TCVN 4992:2005
4.	Bánh, Kem, mắm, Lạp xưởng, củ cải muối <i>Cakes, ice- cream, sauce, sausages, pickled radish</i>	Định lượng Coliform tổng Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of total Coliforms Colony count technique.</i>		TCVN 6848:2007
5.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of β-glucuronidase- positive Escherichia coli Colony count technique</i>		TCVN 7924-2:2008
6.	Nước uống đóng chai, nước đá <i>Bottled drinking water, Ice</i>	Định lượng <i>Pseudomonas aeruginosa</i> Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Pseudomonas aeruginosa Membrane filtration method</i>		ISO 16266:2006

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 763**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (If any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7.	Nước uống đóng chai, nước sạch, nước đá <i>Bottled drinking water, domestic water, Ice</i>	Định lượng vi khuẩn Coliforms và <i>Escherichia coli</i> Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Coliform bacteria and Escherichia coli</i> <i>Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1:2019

Chú thích/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia / *Vietnam National standard*
- ISO: *International Organization for Standardization*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 763

Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định Độ cứng tổng Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of Hardness total EDTA titrimetric method</i>	3,2 mg/L	SMEWW 2340C:2023
2.		Xác định hàm lượng Clorua (Cl ⁻) Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Chloride (Cl⁻) content Titration method</i>	1,8 mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B: 2023
3.		Xác định chỉ số Permanganate Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Permanganate index Titration method</i>	0,5 mg/L	TCVN 6186:1996
4.		Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp so màu <i>Determination of Nitrite content Colorimetric method</i>	0,003 mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B: 2023
5.		Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp quang phổ <i>Determination of Nitrate content Spectrometric method</i>	0,05 mg/L	TCVN 6180:1996
6.		Xác định hàm lượng Mangan tổng Phương pháp quang phổ <i>Determination of total Manganese content Spectrometric method</i>	0,05 mg/L	SMEWW 3500-Mn B: 2023
7.		Xác định hàm lượng Sắt tổng Phương pháp quang phổ <i>Determination of Iron total content Spectrometric method.</i>	0,04 mg/L	SMEWW 3500-Fe B: 2023
8.		Xác định Độ màu <i>Determination of Colour</i>	2 TCU	SMEWW 2120C:2023
9.		Xác định Độ đục <i>Detrmination of Turbidity</i>	(0,1-1.000) NTU	HACH 2100Q
10.		Xác định pH <i>Detrmination of pH value</i>	2~12	TCVN 6492:2011
11.	Muối iốt <i>Iodized salt</i>	Xác định hàm lượng Iốt <i>Determination of Iodate content</i>	2,9 mg/kg	TCVN 6341:1998

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 763

Chú thích/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia / *Vietnam National standard*
- ISO: *International Organization for Standardization*
- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- HACH: Phương pháp của nhà sản xuất thiết bị/ *Manufacturer' method*

Trường hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long cơ sở Trà Vinh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long cơ sở Trà Vinh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Vinh Long Center for Disease Control Tra Vinh Facility that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

